VIETNAM 1:50,000

ÉDITION 1-AMS
XUẤT-BẢN LẦN THỨ 1-AMS

SÔNG MAO

SHEET 6731 IV
SERIES L7014

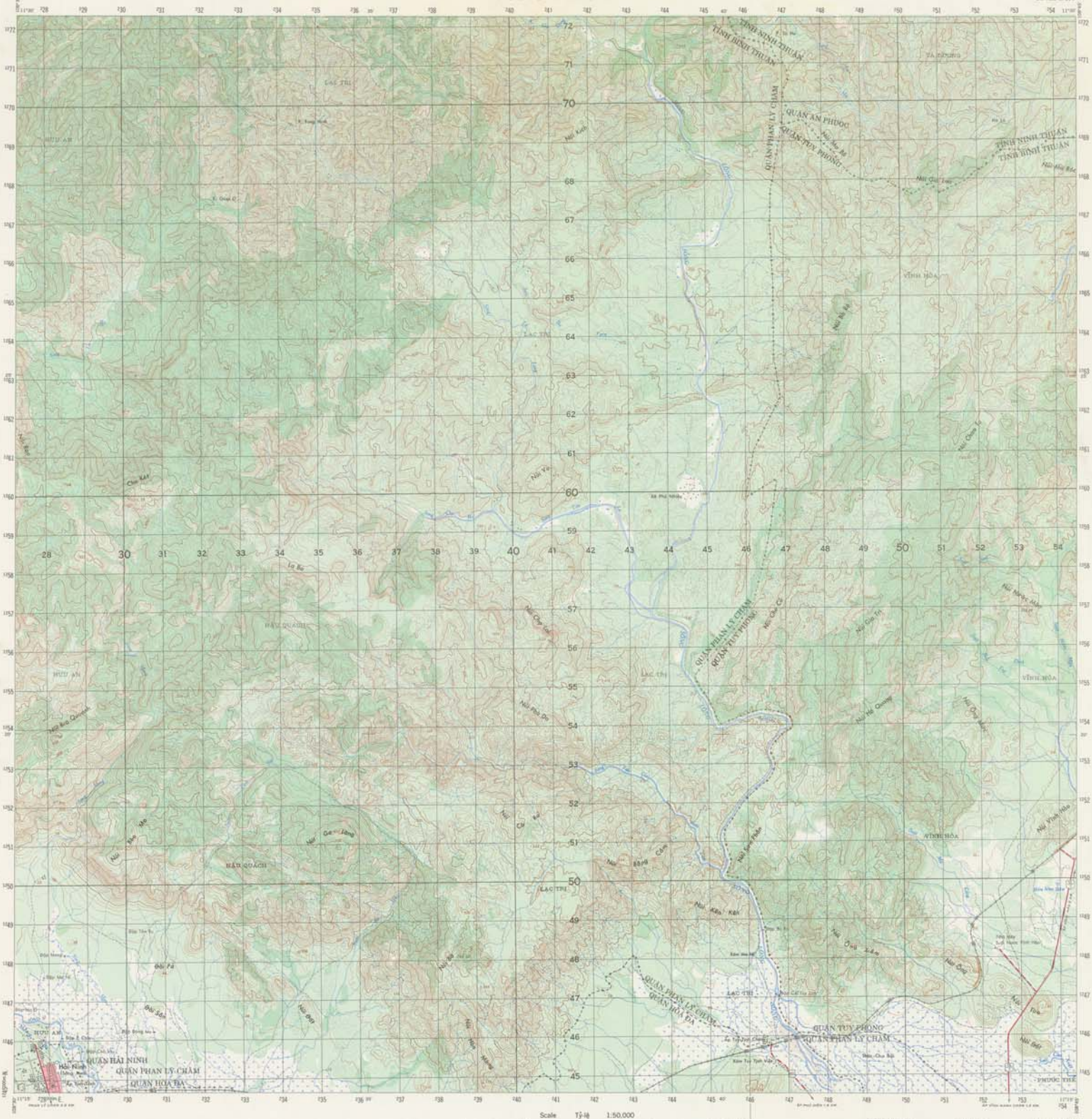

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

LEGEND—CHÚ-THÍCH
MAP INFORMATION AS OF 1969
BẢN-ĐỒ TÌNH-HÌNH NĂM 1969

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES
MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TRỢ: 10 MÉT

SPHEROID	EVEREST
GRID	1,000 METER UTM. ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION	TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM	MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM	INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY	AMS(SE), U.S. ARMY, 1969
NAMES DATA BY	NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE, VIETNAM
CONTROL BY	USAMGRS, MGS, VIETNAM; 25TH ENGR BN; SERVICE GÉOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE
PRINTED BY	AMS, U.S. ARMY

REPORT CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
KHI CẦN CHỈNH ĐÍNH SỬA ĐỒ THÔNG BẢN-ĐỒ NÀY HÃY BÁO CÁO HỌA-ĐỒ QUỐC GIA, ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
HẠN-ĐỊNH ĐỊA-PHẬN CHÁNH ĐIỀU ĐẠI-ĐỒ VÀ CÁC PHÂN-BỘ NỘI-TRỊ CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM

GLOSSARY — CỔ-TỰ

ELEVATION GUIDE
CHỈ-ĐẠO CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
RANH-GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG ĐỐI-HỌA-ĐỒ

SÔNG MAO, VIETNAM STOCK NO. L7014 6731IV